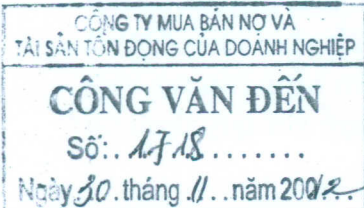


BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2857/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2012



### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty  
trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam

### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 05/06/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-BTC ngày 30/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư số 79/2011/TT-BTC ngày 08/06/2011 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 5/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ký ban hành và thay thế Quyết định số 1683/QĐ-BTC ngày 2/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý tài chính tạm thời của Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp và Quyết định số 2157/QĐ-BTC ngày 21/6/2007 sửa đổi, bổ sung Quyết định 1683/QĐ-BTC. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam có trách nhiệm hạch toán, điều chỉnh sổ sách kế toán phù hợp với quy định tại Quyết định này kể từ ngày có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Mua bán nợ Việt Nam; ✓
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Tài chính ngân hàng;
- Vụ Chế độ kế toán;
- Vụ Kế hoạch tài chính
- Lưu: VT, Cục TCDN. (16)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Văn Hiếu**

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN MUA BÁN NỢ VIỆT NAM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2857/QĐ-BTC ngày 09/11/2012  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định cơ chế quản lý tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam do Nhà nước làm chủ sở hữu được chuyển đổi theo Quyết định số 1494/2010/QĐ-BTC ngày 30/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở tổ chức lại Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 05/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Công ty Mua bán nợ Việt Nam hoặc Công ty).

Công ty Mua bán nợ Việt Nam là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, thực hiện chế độ tự chủ về tài chính, bảo đảm nguyên tắc kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại Công ty.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ.**

- 1 - "Chủ nợ" là các tổ chức, cá nhân có nợ phải thu.
- 2 - "Khách nợ" là các tổ chức, cá nhân có nợ phải trả.
- 3 - "Chủ tài sản" là các tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu tài sản.
- 4 - "Phương án mua nợ" là phương án do Công ty Mua bán nợ Việt Nam xây dựng để mua một hoặc một số khoản nợ phải thu của một hoặc một số chủ nợ.
- 5 - "Phương án mua tài sản" là phương án do Công ty Mua bán nợ Việt Nam xây dựng để mua một hoặc một số tài sản của một hoặc một số chủ tài sản.
- 6 - "Phương án tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua hoạt động mua nợ" là phương án do Công ty Mua bán nợ Việt Nam xây dựng để tái cơ cấu, phục hồi hoạt động của khách nợ doanh nghiệp để thu nợ từ việc mua một hoặc một số khoản nợ phải trả của khách nợ đó.
- 7 - "Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ" là biện pháp xoá một phần trách nhiệm trả nợ cho khách nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

8 - "Giá vốn mua nợ" là tổng chi phí mua nợ tính đến thời điểm giảm trừ trách nhiệm trả nợ, bao gồm: giá mua nợ thực tế cộng (+) các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc mua khoản nợ (kể cả lãi vay huy động vốn để mua nợ, lãi vay dự kiến phát sinh của số tiền mua nợ thực tế nếu gửi các tổ chức tín dụng, ngân hàng) và các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh được phân bổ (nếu có).

9 - "Nợ phải thu khó đòi" là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán.

10 - "Đầu tư ra nước ngoài" là việc Công ty Mua bán nợ Việt Nam đưa vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác từ Việt Nam ra nước ngoài để tiến hành hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.

11 - "Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác" là người được Công ty Mua bán nợ Việt Nam cử, ủy quyền đại diện phần vốn góp của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

### **Điều 3. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu**

1 - Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Bộ Tài chính theo phân công của Chính phủ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty Mua bán nợ Việt Nam.

2 - Bộ Tài chính uỷ quyền cho Hội đồng thành viên Công ty Mua bán nợ Việt Nam thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật.

Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước và chủ sở hữu về việc chấp hành chế độ tài chính của Công ty quy định tại Quy chế này và các chế độ tài chính hiện hành khác của Nhà nước có liên quan.

### **Điều 4. Một số nguyên tắc chung**

1 - Công ty có trách nhiệm thực hiện việc mua, bán, tiếp nhận nợ và tài sản theo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 79/2011/TT-BTC.

2 - Công ty được xác lập quyền sở hữu, quyền quản lý và sử dụng đối với nợ và tài sản đã mua (trừ các trường hợp đặc biệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền), thực hiện quản lý, sử dụng và hạch toán theo dõi các khoản nợ và tài sản theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

3 - Mỗi khoản nợ mua của Công ty (theo thỏa thuận hoặc chỉ định) được coi như một loại hàng hoá đặc biệt, Công ty có trách nhiệm tổ chức hạch toán, theo dõi từng khoản nợ mua. Đối với các khoản nợ và tài sản tiếp nhận từ các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, sau khi

tiếp nhận bàn giao, Công ty hạch toán theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán để xử lý theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

4 - Việc chuyển nợ, tài sản thành vốn góp gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu thực hiện theo phương án đã thỏa thuận (bằng văn bản) với cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án tái cơ cấu doanh nghiệp, phù hợp quy định của pháp luật về sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp khác, việc chuyển nợ, tài sản thành vốn góp gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp thực hiện trên nguyên tắc thỏa thuận với chủ sở hữu doanh nghiệp.

5 - Việc sử dụng các khoản nợ và tài sản để góp vốn phải đảm bảo hiệu quả trên cơ sở phương án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Các tài sản (không bao gồm nợ) trước khi góp vốn phải được xác định lại giá trị bởi các tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

6 - Khi thực hiện nhiệm vụ xử lý nợ và tài sản theo chỉ định của cấp có thẩm quyền, Công ty triển khai thực hiện trên cơ sở phương án mua, xử lý nợ và tài sản cụ thể phù hợp với quyết định của cấp có thẩm quyền.

7 - Các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Công ty Mua bán nợ Việt Nam thông qua tái cơ cấu, chuyển nợ thành vốn góp không phải là công ty con của Công ty Mua bán nợ Việt Nam. Công ty Mua bán nợ Việt Nam không được hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty này.

## CHƯƠNG II - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### MỤC I - QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN

#### **Điều 5. Vốn hoạt động của Công ty**

1 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu, gồm:

a - Vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của chủ sở hữu. Chủ sở hữu cấp đủ vốn điều lệ để đảm bảo cho hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

b - Vốn tự tích lũy từ hoạt động kinh doanh được bổ sung vào nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

2 - Vốn huy động.

2.1 - Hình thức huy động vốn:

Phát hành trái phiếu để mua một khoản nợ nhất định có giá trị lớn, có tài sản đảm bảo; vay vốn của các tổ chức ngân hàng, tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

## 2.2 - Nguyên tắc huy động vốn:

a - Việc huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ và có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người phê duyệt phương án huy động vốn chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

b - Công ty thực hiện vay vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước thông qua hợp đồng vay vốn theo quy định của pháp luật; Mức lãi suất vay vốn tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn; Trường hợp công ty mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng kỳ hạn của ngân hàng thương mại mà công ty mở tài khoản giao dịch.

c - Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nợ nước ngoài.

d - Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu để mua một khoản nợ nhất định có giá trị lớn, có tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

## 2.3 - Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

a - Công ty được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ của Công ty không vượt quá 3 lần. Trong đó, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc theo phân cấp của Hội đồng thành viên quyết định các phương án huy động vốn có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

b - Trường hợp huy động vốn vượt mức quy định tại tiết a điểm 2.3 khoản 2 Điều 5 Quy chế này thì Công ty xây dựng phương án, báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

## **Điều 6. Nguyên tắc sử dụng vốn**

Công ty được quyền chủ động sử dụng vốn và các quỹ của mình để phục vụ hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn, và phù hợp với quy định của pháp luật. Trong đó:

1 - Công ty có trách nhiệm sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn đầu tư để mua các khoản nợ và tài sản đối với khách nợ là doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu. Trường hợp trong năm tài chính, việc mua nợ và tài sản không đảm bảo theo tỷ lệ trên nhưng xét thấy phương án mua nợ và tài sản của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác có hiệu quả thì Hội đồng thành viên báo cáo Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến.

Hội đồng thành viên quy định cụ thể hồ sơ, trình tự xây dựng, thẩm định và thẩm quyền quyết định phương án mua nợ, tài sản áp dụng trong Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2 - Sử dụng vốn để sửa chữa, nâng cấp tài sản.

Công ty được chủ động sử dụng nguồn vốn hoạt động của mình để sửa chữa, nâng cấp tài sản nhằm mục đích gia tăng giá trị và tạo thuận lợi cho việc xử lý tài sản để thu hồi vốn. Chi phí cho việc đầu tư cải tạo, nâng cấp tài sản được hạch toán tăng giá trị tài sản. Những hoạt động đầu tư cải tạo, nâng cấp tài sản thuộc về đầu tư xây dựng cơ bản phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

3 - Việc sử dụng vốn để đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động của Công ty phải đảm bảo:

- Trang bị phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của Nhà nước.

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

- Hạch toán theo dõi tài sản đầu tư, mua sắm theo quy định hiện hành của pháp luật.

## **Điều 7. Bảo toàn vốn**

1 - Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn mà chủ sở hữu đã đầu tư. Mọi biến động về tăng, giảm vốn tại Công ty phải báo cáo chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát.

Công ty phải đánh giá và báo cáo về hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2 - Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a - Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

b - Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

c - Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro vào chi phí kinh doanh như sau:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (bao gồm cả tài sản mua theo thỏa thuận và chỉ định);

- Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi (bao gồm cả nợ mua theo thỏa thuận và chỉ định);

- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Công ty không phải trích lập dự phòng đối với các khoản lỗ phát sinh của doanh nghiệp tái cơ cấu trước thời điểm Công ty chuyển nợ thành vốn góp;

d - Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Công ty theo quy định của pháp luật.

3 - Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty không trích lập dự phòng đối với nợ và tài sản:

- Tiếp nhận từ các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu.
- Được cấp có thẩm quyền giao xử lý.

### **Điều 8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty**

1 - Nguyên tắc đầu tư vốn ra ngoài Công ty

a - Công ty được quyền sử dụng tài sản (bao gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn và phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó:

- Đầu tư theo đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh;
- Đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;
- Việc đầu tư vốn của Công ty vào doanh nghiệp khác phải đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Công ty được chủ sở hữu phê duyệt.

b - Công ty không được góp vốn hoặc đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán, trừ các trường hợp:

- Góp vốn thông qua hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp khách nợ;
- Đầu tư, nâng cấp tài sản tiếp nhận, tài sản đảm bảo nợ sau khi đã chuyển quyền sở hữu về Công ty (bao gồm cả quyền sử dụng đất) để khai thác, thu hồi;
- Và các trường hợp đặc biệt theo quyết định của chủ sở hữu.

Các khoản đã góp vốn, đầu tư trực tiếp vào các lĩnh vực không được đầu tư trực tiếp nêu trên thì Hội đồng thành viên phải có phương án cơ cấu lại theo hướng giảm dần tỷ lệ góp vốn. Việc thoái vốn tại các lĩnh vực này phải hoàn thành trước ngày 31/12/2015. Các khoản góp vốn thông qua hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu thì thực hiện thoái vốn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 Thông tư số 79/2011/TT-BTC.

c - Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty không thông qua việc mua, bán nợ và tài sản phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chính của Công ty và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế này.



d - Công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty.

2 - Các hình thức đầu tư ra ngoài công ty

2.1 - Hoạt động gửi tiền: Công ty chỉ thực hiện gửi có kỳ hạn tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại Việt Nam.

2.2 - Góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết bằng nợ và tài sản đã mua.

2.3 - Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty không thông qua việc mua, bán nợ và tài sản (không bao gồm hoạt động gửi tiền), bao gồm:

a - Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

b - Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh đang hoạt động;

c - Mua lại một công ty khác để hình thành một pháp nhân mới;

d - Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.

Tổng mức đầu tư vào các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty không thông qua việc mua, bán nợ, tài sản và gửi tiền tối đa không vượt quá 20% vốn điều lệ của Công ty Mua bán nợ Việt Nam.

3 - Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài công ty

Hội đồng thành viên Công ty hoặc Tổng giám đốc theo phân cấp của Hội đồng thành viên quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của Công ty từ 50% vốn điều lệ trở xuống; Đối với dự án đầu tư có giá trị trên 50% vốn điều lệ, Công ty báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

4 - Hàng năm, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính tình hình, hiệu quả đầu tư tài chính của Công ty để kiểm tra, giám sát theo quy định.

## MỤC II - QUẢN LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN

### A - QUẢN LÝ TÀI SẢN

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Công ty**

Công ty phải xây dựng Quy chế quản lý tài sản để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong công tác quản lý; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu; thực hiện đầu tư, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

## **Điều 10. Quản lý tài sản cố định do Công ty đầu tư**

1 - Đầu tư tài sản cố định (bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình).

1.1 - Hội đồng thành viên quyết định các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở xuống nhưng không vượt quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng thì Hội đồng thành viên phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện đầu tư.

Hội đồng thành viên quyết định phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên. Các dự án lớn hơn mức phân cấp của Hội đồng thành viên thì Hội đồng thành viên báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

1.2 - Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

1.3 - Đầu tư mua sắm phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại do Hội đồng thành viên quyết định theo thẩm quyền hoặc Tổng Giám đốc theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

2 - Khấu hao tài sản cố định: Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3 - Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản.

3.1 - Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

a - Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc theo phân cấp của Hội đồng thành viên quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b - Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của Công ty để thế chấp, cầm cố để vay vốn thực hiện theo quy định tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

3.2 - Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

4 - Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính

4.1 - Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư tài chính không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2 - Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a - Hội đồng thành viên quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty.

Hội đồng thành viên ủy quyền hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc Công ty quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên thì Hội đồng thành viên báo cáo Bộ Tài chính xem xét phê duyệt.

b - Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của Công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn thì Công ty phải báo cáo chủ sở hữu trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

c - Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư do không mang lại hiệu quả kinh tế như phương án phê duyệt ban đầu, Công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới Công ty không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

#### 4.3 - Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản cố định ghi trên sổ kế toán nhượng bán dưới 100 triệu đồng thì Tổng giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận theo giá sát với giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

#### 4.4 - Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính

Việc nhượng bán các khoản đầu tư tài chính thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, trong đó:

##### a - Phương thức chuyển nhượng:

Tùy theo hình thức góp vốn Công ty được thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và các cam kết tại các hợp đồng liên doanh, liên kết của các bên.

- Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thì Công ty được chủ động thực hiện theo các phương thức khớp lệnh, đấu giá, thỏa thuận hoặc chào bán cạnh tranh nhưng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán.

- Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính tại công ty cổ phần chưa niêm yết thì Công ty thực hiện đấu giá trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và không thấp hơn giá thị trường. Trong đó:

+ Trường hợp chuyên nhượng các khoản đầu tư tài chính có giá trị tính theo mệnh giá trên 10 tỷ đồng thì Công ty phải thực hiện đấu giá qua Sở Giao dịch chứng khoán. Chuyên nhượng các khoản đầu tư tài chính có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng Công ty được lựa chọn thuê tổ chức tài chính trung gian (các công ty chứng khoán) bán đấu giá, hoặc tự tổ chức đấu giá tại công ty, hoặc thực hiện đấu giá qua Sở Giao dịch chứng khoán.

+ Việc bán thỏa thuận chỉ được thực hiện sau khi tổ chức đấu giá công khai nhưng không có hoặc chỉ có một người đăng ký mua và phải đảm bảo giá bán sát với giá thị trường tại thời điểm bán; Trong trường hợp này, giá thị trường tại thời điểm bán cần căn cứ vào báo giá của ít nhất 03 công ty chứng khoán có thực hiện giao dịch chứng khoán của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, trường hợp không có giao dịch thì giá bán không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của Công ty.

b - Tiền thu từ bán bớt, bán toàn bộ phần vốn đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp khác, kể cả tiền đặt cọc không phải trả lại cho nhà đầu tư được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

c - Thẩm quyền quyết định nhượng bán các khoản đầu tư tài chính:

Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc theo phân cấp của Hội đồng thành viên quyết định việc chuyên nhượng các khoản đầu tư tài chính thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình theo quy định của pháp luật.

5 - Quản lý hàng tồn kho, xử lý chênh lệch tỷ giá, kiểm kê, đánh giá lại tài sản: Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

## **Điều 11. Quản lý tài sản mua và tiếp nhận**

1 - Các hình thức xử lý tài sản

1.1 - Bán các tài sản đã mua, tiếp nhận theo phương thức thỏa thuận trực tiếp, chào giá cạnh tranh hoặc tổ chức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật. Sau khi đã thực hiện đấu giá công khai hoặc chào giá cạnh tranh theo đúng quy định nhưng không thành công, Công ty được áp dụng phương thức thỏa thuận trực tiếp. Trường hợp chuyên nhượng quyền sử dụng đất, Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.2 - Sửa chữa, nâng cấp tài sản đã mua, tiếp nhận để bán; cho thuê; liên doanh, liên kết khai thác tài sản.

1.3 - Sử dụng tài sản để đầu tư góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết. Việc xử lý tài sản thông qua hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp chuyên đổi sở hữu gắn với việc chuyển tài sản thành vốn góp thực hiện theo quy định tại tiết a khoản 4 Điều 8 Thông tư số 79/2011/TT-BTC.

2 - Hạch toán nguồn thu xử lý tài sản

2.1 - Đối với tài sản mua theo thỏa thuận và chỉ định

- Số tiền thu được từ bán tài sản, cho thuê tài sản là doanh thu của Công ty.

- Giá trị tài sản góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh là khoản đầu tư của Công ty, được hạch toán tăng tài sản theo quy định.

2.2 - Đối với tài sản tiếp nhận bàn giao từ các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu

a - Trường hợp bán tài sản

Số tiền thu được từ việc bán tài sản nhận bàn giao là doanh thu của Công ty, Công ty có trách nhiệm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi trừ các khoản chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản (nếu có) và các khoản mà Công ty và doanh nghiệp giữ hộ tài sản được hưởng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b - Trường hợp góp vốn bằng tài sản, cho thuê tài sản

- Giá trị tài sản góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết của tài sản nhận bàn giao là vốn đầu tư của Công ty, được hạch toán tăng tài sản và vốn đầu tư của chủ sở hữu tương ứng.

- Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản nhận bàn giao được hạch toán vào doanh thu của Công ty.

Công ty có trách nhiệm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp số tiền tương ứng giá trị sổ sách của tài sản nhận bàn giao sau khi trừ các khoản mà Công ty và doanh nghiệp giữ hộ tài sản được hưởng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.3 - Phần chênh lệch giữa giá trị hạch toán trên sổ kế toán của Công ty và giá trị góp vốn, hợp tác kinh doanh của tài sản được xử lý theo chế độ hiện hành của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước khi xử lý chênh lệch do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết.

## **B - QUẢN LÝ NỢ**

### **Điều 12. Trách nhiệm của Công ty**

1 - Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu (bao gồm cả nợ mua và tiếp nhận), phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

2 - Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ. Đối với các phương án mua nợ phải lập hồ sơ riêng để theo dõi, đánh giá hiệu quả của phương án và làm cơ sở để đối chiếu khoản nợ theo sổ sách với khách nợ.

3 - Hội đồng thành viên có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của chủ sở hữu tại Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu.

### **Điều 13. Xử lý nợ phải thu phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh (không bao gồm nợ mua, nợ tiếp nhận)**

Công ty thực hiện xử lý nợ thông qua các hình thức sau:

1 - Tổ chức đòi nợ trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ đòi nợ hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2 - Bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn; không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ.

Trường hợp bán nợ mà dẫn tới Công ty bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng Công ty phải giải thể, phá sản thì Hội đồng thành viên phải làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để bồi thường theo quy định của pháp luật.

3 - Xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi

a - Đối tượng và điều kiện:

- Đối với nợ của tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật Phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về việc giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với nợ của cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng tử (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với khách nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với khách nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với khách nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

b - Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi Công ty phải lập hồ sơ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như đối với các doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, báo cáo Hội đồng thành viên xem xét, quyết định xóa nợ. Nguồn bù đắp tổn thất từ Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi, Quỹ dự phòng tài chính sau khi trừ số tiền bồi thường của tập thể, cá nhân khi xử lý trách nhiệm (nếu có). Trường hợp nguồn dự phòng không đủ để bù đắp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xóa nợ, Công ty vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, Công ty hạch toán vào thu nhập khác.

#### **Điều 14. Xử lý nợ phải thu từ hoạt động tiếp nhận và mua nợ**

##### **1 - Các hình thức xử lý nợ**

1.1 - Tổ chức đòi nợ trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ đòi nợ hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

1.2 - Trong quá trình xử lý nợ, tùy từng trường hợp Công ty được xem xét, xử lý theo các hình thức sau:

- Cơ cấu kỳ hạn trả nợ bằng các hình thức: khoan nợ, giãn nợ cho phù hợp với phương án tái cơ cấu và khả năng của khách nợ.

- Hội đồng thành viên Công ty xem xét xóa một phần nợ lãi vay theo tiến độ trả nợ gốc trên nguyên tắc vẫn đảm bảo phương án thu nợ có hiệu quả. Đối với các khoản nợ tiếp nhận, trường hợp khách nợ hoàn trả đủ nợ gốc ngay trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày khách nợ cam kết trả hết nợ gốc thì Hội đồng thành viên Công ty xem xét xóa lãi vay sau khi trả hết nợ gốc theo cam kết.

- Điều chỉnh mức lãi suất của khoản nợ cho phù hợp với khả năng trả nợ của khách nợ, cụ thể:

+ Đối với các khoản nợ mà khách nợ là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước gắn với việc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu thì mức lãi suất điều chỉnh không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố trong từng thời kỳ.

+ Đối với các khoản nợ của các đối tượng khác, mức lãi suất điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố trong từng thời kỳ cộng (+) 1%/năm.

1.3 - Bán các khoản nợ đã mua, tiếp nhận theo phương thức thoả thuận trực tiếp, chào giá cạnh tranh hoặc tổ chức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật. Công ty được áp dụng phương thức thoả thuận trực tiếp sau khi đã thực hiện đấu giá công khai hoặc chào giá cạnh tranh theo đúng quy định nhưng không thành công trên nguyên tắc bảo toàn vốn và đảm bảo hiệu quả cao nhất.

1.4 - Nhận tài sản bù trừ nợ (bao gồm cả quyền sử dụng đất) do Hội đồng thành viên Công ty xem xét, quyết định trên cơ sở phương án sử dụng tài sản có hiệu quả. Tài sản nhận bù trừ phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý, đủ điều kiện để thực hiện chuyển giao quyền sở hữu giữa các bên. Giá trị tài sản nhận bù trừ phải đảm bảo sát với giá thị trường, có tính thanh khoản cao, hiệu quả khi khai thác và được các bên thống nhất. Hội đồng thành viên Công ty quy định quy trình, thủ tục thực hiện xử lý thu hồi nợ thông qua hình thức nhận tài sản bù trừ để áp dụng tại Công ty. Trường hợp tài sản nhận bù trừ là quyền sử dụng đất thì việc nhận tài sản bù trừ phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

1.5 - Bán tài sản đảm bảo (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của khoản nợ mua. Việc bán tài sản đảm bảo khoản nợ thực hiện trên cơ sở đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý về quyền được bán tài sản và có cam kết 03 bên giữa Công ty Mua bán nợ Việt Nam, đơn vị bán nợ và doanh nghiệp khách nợ. Trường hợp bán tài sản là quyền sử dụng đất phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

#### 1.6 - Xử lý xóa nợ

##### 1.6.1 - Đối với nợ tiếp nhận

Công ty chỉ được xoá nợ gốc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Bộ Tài chính theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó:

- Hàng năm, Công ty thực hiện rà soát, phân loại để đánh giá và có biện pháp thu hồi của các khoản nợ đã tiếp nhận.

- Đối với các khoản nợ đã tiếp nhận không có khả năng thu hồi, Hội đồng thành viên Công ty báo cáo Bộ Tài chính để xem xét, xử lý hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

##### 1.6.2 - Đối với nợ mua

- a - Đối với nợ mua theo thỏa thuận gắn với phương án tái cơ cấu doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu và chuyển nợ thành vốn góp, khi thực hiện giảm trừ nghĩa vụ trả nợ tại thời điểm thực hiện phương án tái cơ cấu, chuyển đổi sở hữu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phương án mua nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã xác định rõ việc mua nợ là để tái cơ cấu doanh nghiệp khách nợ và thực hiện chuyển đổi sở hữu.

- Có kế hoạch thoái vốn để thu hồi vốn đầu tư sau khi chuyển nợ thành vốn góp trong thời hạn tối đa không quá 05 năm kể từ ngày chuyển nợ thành vốn góp. Trường hợp quá thời hạn 05 năm mà chưa thực hiện thoái vốn thì Công ty phải báo cáo Bộ Tài chính nguyên nhân và biện pháp xử lý trong thời gian tiếp theo.

- Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ phải gắn với phương án chuyển nợ thành vốn góp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Mức xoá nợ tối đa không quá số âm vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính gần nhất của khách nợ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không vượt quá số chênh lệch giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá vốn mua nợ tính đến thời điểm quyết định xoá nợ.

- Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho các khách nợ không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đã gây ra tổn thất tài chính trước đây.

- Có tài liệu chứng minh khách nợ không có khả năng trả nợ một phần hoặc toàn bộ khoản nợ tại thời điểm thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp.

- Các tài sản chuyển thành vốn góp phải được định giá lại bởi tổ chức định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Việc chuyển nợ và tài sản thành vốn góp phải được chủ sở hữu của doanh nghiệp khách nợ thống nhất theo đúng quy định của pháp luật.



- Kết thúc quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp khách nợ, Công ty Mua bán nợ Việt Nam có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp khách nợ xác nhận số nợ chuyển tiếp và tổ chức đôn đốc thu hồi nợ theo đúng phương án đã được các bên cam kết.

Hội đồng thành viên Công ty quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện phương án xử lý nợ thông qua tái cơ cấu doanh nghiệp.

b - Đối với nợ mua theo thỏa thuận (không gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp), Công ty chỉ thực hiện xóa nợ trong trường hợp khách nợ đã giải thể, phá sản theo quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền về việc giải thể doanh nghiệp.

Khi xử lý xóa nợ, Công ty phải lập hồ sơ theo từng đối tượng khách nợ và làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc mua nợ nhưng không thu hồi được, báo cáo Hội đồng thành viên xem xét xử lý trách nhiệm, quyết định xóa nợ trong phạm vi phương án mua nợ thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

c - Đối với nợ mua theo chỉ định của cơ quan có thẩm quyền thì Hội đồng thành viên có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến trước khi xóa nợ theo nguyên tắc quy định tại tiết a, tiết b điểm 1.6.2 khoản 1 Điều 14 Quy chế này.

## 2 - Hạch toán nguồn thu xử lý nợ mua và tiếp nhận

### 2.1 - Đối với nợ mua theo thỏa thuận và chỉ định

- Số tiền thu hồi nợ do khách nợ trả bằng tiền mặt hoặc bán nợ, bán tài sản đảm bảo là doanh thu của Công ty.

- Trường hợp dùng khoản nợ để góp vốn cổ phần (kể cả chuyển nợ thành vốn góp gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu), góp vốn liên doanh, liên kết thì giá trị góp vốn được xác định là khoản đầu tư, Công ty hạch toán tăng tài sản theo quy định.

- Trường hợp nhận tài sản bù trừ khoản nợ, Công ty hạch toán tăng tài sản là hàng hóa và chỉ kết chuyển doanh thu tương ứng với giá trị tài sản nhận bù trừ khi đưa tài sản vào khai thác, sử dụng hoặc số tiền thu được khi nhượng bán.

### 2.2 - Đối với nợ tiếp nhận bàn giao từ các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sở hữu:

Số tiền thu hồi nợ (thu từ doanh nghiệp đối với khoản nợ thu được trước khi bàn giao, thu từ khách nợ), số tiền thu từ bán nợ nhận bàn giao là doanh thu của Công ty, Công ty có trách nhiệm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi trừ các khoản mà Công ty và doanh nghiệp giữ hộ tài sản được hưởng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.3 - Phần chênh lệch giữa giá trị hạch toán trên sổ kế toán của Công ty và giá trị được tính trong hợp đồng góp vốn, hợp tác kinh doanh của khoản nợ được xử lý theo chế độ hiện hành của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước khi xử lý chênh lệch do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết.

### **Điều 15. Quản lý các khoản nợ phải trả**

1 - Công ty có trách nhiệm hạch toán, theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, bao gồm cả các khoản lãi phải trả.

2 - Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

### **Điều 16. Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.**

1 - Công ty thực hiện quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

2 - Công ty trực tiếp quản lý hoặc thực hiện quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp thông qua hệ thống người đại diện theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Quy chế người đại diện do Hội đồng thành viên Công ty ban hành. Các hình thức cử, ủy quyền người đại diện gồm:

a - Hội đồng thành viên quyết định cử hoặc ủy quyền cho cán bộ của Công ty làm người đại diện. Trường hợp cần thiết, Công ty cử hoặc ủy quyền cho cán bộ của Công ty trực tiếp hoặc kiêm nhiệm tham gia ứng cử Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Ban kiểm soát, kiểm soát viên doanh nghiệp để thực hiện các mục tiêu quản lý vốn, tái cơ cấu vốn và hoạt động của doanh nghiệp.

b - Hội đồng thành viên xem xét, quyết định việc thuê người đại diện thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty và người được thuê.

c - Trường hợp Công ty không cử, ủy quyền cho người đại diện vốn, Công ty sẽ trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

d - Các hình thức ủy quyền khác theo Quy chế người đại diện của Công ty (nếu có).

## **MỤC III - DOANH THU, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **Điều 17. Doanh thu của Công ty**

1 - Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm:

1.1 - Doanh thu từ hoạt động xử lý nợ và tài sản

a - Doanh thu từ hoạt động xử lý nợ và tài sản theo thoả thuận:

- Từ hoạt động xử lý nợ:

+ Số tiền thu nợ từ khách nợ;

+ Số tiền bán nợ, bán tài sản đảm bảo (bao gồm cả quyền sử dụng đất) khoản nợ;

+ Số tiền cho thuê, khai thác tài sản đảm bảo khoản nợ;

+ Số tiền tương ứng với giá trị nhận tài sản bù trừ nợ trong trường hợp đưa tài sản vào sử dụng, khai thác.

- Từ hoạt động xử lý tài sản:

+ Số tiền bán tài sản;

+ Số tiền cho thuê, khai thác tài sản;

b - Doanh thu từ hoạt động xử lý nợ và tài sản theo chỉ định:

- Từ hoạt động xử lý nợ:

+ Số tiền thu nợ từ khách nợ;

+ Số tiền bán nợ, bán tài sản đảm bảo khoản nợ (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

+ Số tiền cho thuê, khai thác tài sản đảm bảo khoản nợ.

+ Số tiền tương ứng với giá trị nhận tài sản bù trừ nợ trong trường hợp đưa tài sản vào sử dụng, khai thác.

- Từ hoạt động xử lý tài sản:

+ Số tiền bán tài sản;

+ Số tiền cho thuê, khai thác tài sản;

c - Doanh thu từ hoạt động xử lý nợ và tài sản nhận bàn giao:

- Từ hoạt động xử lý nợ:

+ Số tiền thu nợ từ khách nợ;

+ Số tiền bán nợ, bán tài sản đảm bảo khoản nợ (bao gồm cả tiền thu từ xử lý nợ, tài sản trước khi bàn giao);

+ Số tiền cho thuê, khai thác tài sản đảm bảo khoản nợ;

- Từ hoạt động xử lý tài sản:

+ Số tiền bán tài sản;

+ Số tiền cho thuê, khai thác tài sản;

+ Số tiền thu từ doanh nghiệp xử lý tài sản trước khi bàn giao;

+ Số tiền thu hồi giá trị tài sản mất mát, thiếu hụt khi bàn giao;

1.2 - Doanh thu từ các hoạt động tư vấn, môi giới, xử lý nợ và tài sản.

2 - Doanh thu từ các hoạt động tài chính, gồm: các khoản lãi thu được từ việc mua công trái, trái phiếu; thu lãi tiền gửi; lãi được chia từ hoạt động góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, hợp tác kinh doanh; lãi thu được bằng tiền phát sinh từ khoản nợ mua; chênh lệch tỷ giá; toàn bộ giá trị thoái vốn tại các doanh nghiệp đã đầu tư, góp vốn bằng các khoản nợ và tài sản; khoản chênh

lệch tăng giữa giá trị khoản nợ và tài sản được ghi nhận góp vốn với giá trị sổ sách của khoản nợ và tài sản này.

3 - Các khoản doanh thu khác (nếu có).

### **Điều 18. Chi phí của Công ty**

1 - Chi phí hoạt động kinh doanh

1.1 - Chi phí cho hoạt động xử lý nợ và tài sản, gồm:

a - Chi phí hoạt động mua, bán nợ, tài sản theo thoả thuận: Chi phí để mua khoản nợ, tài sản theo cơ chế thoả thuận (bao gồm: giá mua; chi phí vận chuyển tài sản, sửa chữa, nâng cấp tài sản nếu có) được hạch toán khi có phát sinh thu nhập từ việc xử lý khoản nợ hoặc tài sản như sau:

- Trường hợp khoản nợ được thu hồi một lần: thực hiện kết chuyển toàn bộ chi phí mua khoản nợ đó vào chi phí trong kỳ.

- Trường hợp khoản nợ được thu hồi nhiều lần:

+ Trường hợp doanh thu thu được trong kỳ từ việc xử lý nợ (thu nợ từ khách nợ; bán nợ; khai thác, bán tài sản đảm bảo của khoản nợ) lớn hơn chi phí mua khoản nợ: thực hiện kết chuyển toàn bộ chi phí mua khoản nợ vào chi phí trong kỳ.

+ Trường hợp doanh thu thu được trong kỳ từ việc xử lý nợ (thu nợ từ khách nợ; bán nợ; khai thác, bán tài sản đảm bảo của khoản nợ) nhỏ hơn chi phí mua khoản nợ: thực hiện kết chuyển một phần chi phí mua khoản nợ vào chi phí trong kỳ với mức bằng số tiền thực tế thu được từ việc xử lý khoản nợ. Phần còn lại của chi phí mua khoản nợ được tiếp tục kết chuyển vào chi phí theo nguyên tắc nêu trên khi khoản nợ tiếp tục được thu hồi.

- Trường hợp nhận tài sản bù trừ nợ: chỉ thực hiện kết chuyển chi phí khi đưa tài sản vào khai thác, sử dụng hoặc nhượng bán.

- Trường hợp bán tài sản: thực hiện kết chuyển toàn bộ chi phí mua tài sản đó vào chi phí trong kỳ.

- Trường hợp cho thuê tài sản: thực hiện kết chuyển chi phí mua tài sản đó vào chi phí với mức giá bằng giá trị thực tế thu hồi được trong kỳ từ hoạt động cho thuê tài sản.

b - Chi phí hoạt động mua, bán nợ, tài sản theo chỉ định, trong đó: chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản (nếu có) chỉ được kết chuyển vào chi phí trong kỳ khi có phát sinh thu nhập từ tài sản được nâng cấp, sửa chữa.

Trường hợp nhận tài sản bù trừ nợ: chỉ thực hiện kết chuyển chi phí khi đưa tài sản vào khai thác, sử dụng hoặc nhượng bán.

c - Chi phí hoạt động nhận, bán nợ, tài sản nhận bàn giao:

- Chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản (nếu có). Chi phí này chỉ được kết chuyển vào chi phí trong kỳ khi có phát sinh thu nhập từ tài sản được nâng cấp sửa chữa;

- Chi nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 và điểm 2.2 khoản 2 Điều 14 Quy chế này;

- Chi phí doanh nghiệp giữ hộ tài sản được hưởng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

- Các chi phí khác có liên quan đến việc tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản nhận bàn giao.

1.2 - Các chi phí dịch vụ thuê ngoài để thực hiện xử lý nợ và tài sản, gồm:

- Chi phí thuê định giá, chi phí tổ chức bán đấu giá khoản nợ, tài sản để bán, cho thuê, góp vốn, liên doanh, hợp tác kinh doanh bằng nợ, tài sản;

- Chi phí bảo vệ tài sản;

- Chi phí cho các dịch vụ khác liên quan đến xử lý nợ và tài sản;

- Chi phí khác của các hoạt động khai thác tài sản;

- Chi phí thuê kiểm toán độc lập.

1.3 - Chi phí hoa hồng môi giới:

Công ty thực hiện chi hoa hồng môi giới trong việc: thu hồi nợ, bán nợ, tài sản và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Việc chi hoa hồng môi giới của Công ty phải đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế. Hội đồng thành viên Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước, đặc điểm cụ thể của Công ty để xây dựng và ban hành Quy chế chi hoa hồng môi giới áp dụng thống nhất và công khai trong Công ty. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định chi hoa hồng của Công ty.

+ Đối tượng được hưởng tiền chi hoa hồng môi giới là các tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước) có làm môi giới, dịch vụ cho Công ty.

+ Hoa hồng môi giới không được áp dụng cho các đối tượng là các khách hàng được chỉ định, các chức danh quản lý, nhân viên của Công ty.

+ Việc chi hoa hồng môi giới phải căn cứ vào hợp đồng hoặc giấy xác nhận giữa Công ty và bên nhận hoa hồng, trong đó phải có các nội dung cơ bản sau: tên, địa chỉ, số chứng minh thư của người đại diện của bên nhận hoa hồng; nội dung chi (nêu rõ kết quả xử lý nợ và tài sản do đối tượng được hưởng hoa hồng đóng góp cho Công ty); mức chi; phương thức thanh toán, thời gian thực hiện và kết thúc; trách nhiệm của các bên.

1.4 - Chi phí quản lý:

Các khoản chi phí quản lý của Công ty được thực hiện theo chế độ hiện hành của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

1.5 - Nộp thuế, phí, tiền thuê đất có liên quan tới hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

1.6 - Chi phí khác

- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, lễ tân, khánh tiết, giao dịch đối ngoại, chi phí hội nghị và các loại chi phí khác phải có hoá đơn, chứng từ theo

quy định của Bộ Tài chính. Mức chi được thực hiện theo chế độ hiện hành, gắn với kết quả kinh doanh;

- Chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thực hiện theo quy định hiện hành;
- Chi trích lập các khoản dự phòng theo quy định hiện hành;
- Công ty được hạch toán các khoản chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ quản lý; chi cho các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của cán bộ Công ty;
- Chi bảo vệ cơ quan;
- Chi cho công tác bảo vệ môi trường;
- Chi khác.

## 2 - Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:

- Các khoản chi liên quan đến đầu tư tài chính ra ngoài Công ty (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi, kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn);
- Giá trị vốn góp được chuyển nhượng;
- Chênh lệch tỷ giá;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính;
- Tiền lãi huy động vốn;
- Chi phí có liên quan tới hoạt động mua, bán công trái, trái phiếu;
- Các chi phí tài chính khác.

## 3 - Chi phí khác:

### 3.1 - Chi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

3.2 - Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xoá sổ kế toán: Công ty được chi cho các tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân đã có đóng góp trong việc thu hồi các khoản nợ đã xoá trên cơ sở công sức đóng góp và hiệu quả đem lại của các tổ chức và cá nhân này. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm pháp lý khi thực hiện khoản chi này áp dụng như khoản chi hoa hồng môi giới quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 18 Quy chế này.

3.3 - Khoản tổn thất tài sản còn lại sau khi đã bù đắp bằng các nguồn theo quy định hiện hành.

### 3.4 - Các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

4 - Không tính vào chi phí kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty sau đây:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định;
- Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;
- Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật;

## MỤC IV - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

### **Điều 19. Lợi nhuận của Công ty**

Lợi nhuận thực hiện trong năm là kết quả kinh doanh của Công ty, bao gồm lợi nhuận hoạt động kinh doanh, lợi nhuận đầu tư tài chính và lợi nhuận các hoạt động khác.

### **Điều 20. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, chuyển lỗ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, được phân phối và trích lập các Quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

## MỤC V - GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

### **Điều 21. Giám sát hoạt động**

Công ty thực hiện cơ chế giám sát nội bộ theo quy định như đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và chịu sự kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu, các cơ quan có thẩm quyền về kết quả hoạt động theo quy định.

### **Điều 22. Xếp loại doanh nghiệp**

Hàng năm, Hội đồng thành viên Công ty báo cáo Bộ Tài chính xem xét, công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trên cơ sở các chỉ tiêu đánh giá phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty. Mẫu biểu (bao gồm cả chỉ tiêu đánh giá theo đặc thù hoạt động) và thời hạn gửi báo cáo xếp loại doanh nghiệp thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

## MỤC VI - KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CÔNG TÁC KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

### **Điều 23. Kế hoạch tài chính**

1 - Căn cứ định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh doanh được chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty đã được chủ sở hữu phê duyệt.

2 - Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của công ty và nhu cầu thị trường, Hội đồng thành viên quyết định kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

3 - Căn cứ kế hoạch kinh doanh được Hội đồng thành viên quyết định, Công ty thực hiện đánh giá tình hình kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm để thực hiện giám sát và có ý kiến bằng văn bản về kế hoạch của Công ty (nếu cần).

#### **Điều 24. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác**

1 - Cuối kỳ kế toán (quý, năm), doanh nghiệp phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

2 - Mẫu biểu báo cáo, thời gian và nơi gửi các báo cáo, Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

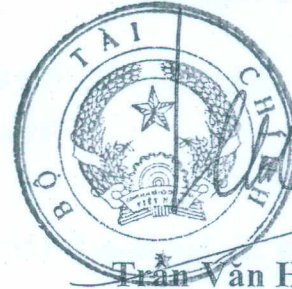
#### **Điều 25. Chế độ kiểm toán**

1 - Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được doanh nghiệp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán theo quy định.

2 - Công ty thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

**Điều 26.** Ngoài thực hiện theo các quy định tại quy chế này, Công ty còn phải thực hiện đúng các hướng dẫn khác của Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục xử lý tài chính đối với hoạt động mua bán nợ, bàn giao tiếp nhận, xử lý tài sản của doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Văn Hiếu**